

BÀI 24

NƯỚC ĐẠI VIỆT TA (Trích *Bình Ngô đại cáo*)

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Thấy được đoạn văn có ý nghĩa như lời tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỉ XV.

– Thấy được phần nào sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận Nguyễn Trãi : lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi giảng *Nước Đại Việt ta*, GV cần lưu ý là ở lớp 7 HS đã được học bài thơ *Sông núi nước Nam*. *Bình Ngô đại cáo* và *Sông núi nước Nam* được coi là hai bản tuyên ngôn độc lập trong lịch sử dân tộc, vì vậy chúng có những điểm giống nhau về nội dung : cùng thể hiện ý thức độc lập dân tộc, niềm tự hào dân tộc, cùng khẳng định sức mạnh của lòng yêu nước, của chân lí chính nghĩa. Tuy nhiên, *Bình Ngô đại cáo* là tác phẩm viết sau nên có sự tiếp nối đồng thời cũng có sự phát triển so với *Sông núi nước Nam*.

Ở hai bài trước, HS vừa được học *Chiếu dời đô* và *Hịch tướng sĩ*, vì vậy, bên cạnh việc cung cấp cho các em những kiến thức mới về thể *cáo*, cần củng cố những kiến thức về *chiếu* và *hịch*.

2. Đây là bài giảng đoạn trích chứ không phải giảng cả tác phẩm, do đó cần phải cho HS nắm khái quát toàn bộ *Bình Ngô đại cáo*, sau đó nhấn mạnh vị trí đoạn trích giảng.

– Phần khái quát *Bình Ngô đại cáo* cần ngắn gọn, tập trung vào một số điểm chính :

+ Dựa vào chú thích, nhấn mạnh đặc điểm của thể cáo và sự vận dụng của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*.

+ Nhấn mạnh hoàn cảnh ra đời của tác phẩm : trong không khí hào hùng của ngày vui đại thắng, ngày vui độc lập, Tổ quốc sạch bóng quân thù, đất nước bước vào kỉ nguyên mới, kỉ nguyên phục hưng dân tộc.

– Trên cơ sở kết cấu nội dung của toàn bài, cho HS thấy được vị trí đoạn trích :

+ *Bình Ngô đại cáo* gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo) : phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần hai lập bản cáo trạng tội ác giặc Minh, phần ba phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng phản công thắng lợi, phần cuối là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỉ nguyên mới, đồng thời nêu lên bài học lịch sử.

+ Đoạn trích *Nước Đại Việt ta* là phần đầu bài *Bình Ngô đại cáo*, nêu luận đề chính nghĩa với hai nội dung chính : nguyên lí nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt.

Có một số khái niệm GV cần nắm để hiểu đoạn văn sâu sắc hơn : *Nhân nghĩa* là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, tình thương giữa con người với nhau. Chữ *nhân* có nội dung rất rộng, tuy nhiên hạt nhân của nó là chỉ sự tương thân, tương ái giữa người với người. Trong chữ *nhân* có khuynh hướng trọng dân, đòi hỏi đối với dân phải khoan, huệ, nhân ái, phản đối chính trị hà khắc, bạo ngược đối với dân. *Nghĩa* là hợp với lẽ phải, với đạo lí. Ở đây tác giả tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo hướng lấy lợi ích của nhân dân, dân tộc làm gốc. *Văn hiến* theo nghĩa chữ Hán là sách vở và người hiền tài, hiểu chung là nền văn hoá, văn minh của một đất nước.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

Dựa vào chú thích trong SGK giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trãi, bài *Bình Ngô đại cáo* và vị trí đoạn trích *Nước Đại Việt ta*.

– Về tác giả Nguyễn Trãi : HS đã được giới thiệu ở lớp 7 khi học *Bài ca Côn Sơn*. Ở đây chỉ nhấn mạnh những điểm cơ bản : Nguyễn Trãi là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Nguyễn Trãi anh hùng và Nguyễn Trãi bi kịch đều ở mức tột cùng.

Chú ý vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc kháng chiến chống Minh có liên quan tới tác phẩm : dâng *Bình Ngô sách* với chiến lược tâm công (tác động vào lòng người), thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo công văn giấy tờ, thư từ giao thiệp với quân Minh, cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh bàn bạc quân mưu, kháng chiến thắng lợi thừa lệnh Lê Lợi viết *Bình Ngô đại cáo*.

– Về tác phẩm : nhấn mạnh đặc điểm, chức năng của thể *cáo* (có thể so sánh với *chiếu, hịch* để thấy những điểm giống và khác nhau). Trên cơ sở chú thích, GV giải thích ngắn gọn nhan đề *Bình Ngô đại cáo* : Chu Nguyên Chương khởi nghiệp ở đất Ngô, từng xưng là Ngô Vương, sau trở thành Minh Thái Tổ. Do đó nhiều người cho rằng tác giả dùng từ *Ngô* để chỉ người nhà Minh.

Cho một HS đọc toàn bộ đoạn trích (bản dịch).

Hoạt động 2. Hướng dẫn đọc văn bản và tìm hiểu chú thích.

– Đọc với giọng điệu trang trọng, hùng hồn, tự hào. Chú ý tính chất cân xứng, nhịp nhàng của câu văn biến ngẫu.

– Đọc lại chú thích về tác giả Nguyễn Trãi ở SGK *Ngữ văn 7, tập một* ; đọc kĩ chú thích (★) và các chú thích 1, 2, 3, 4.

Hoạt động 3. Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản.

1. Phân tích vị trí và nội dung nguyên lí nhân nghĩa (2 câu đầu).

– Nguyên lí nhân nghĩa là nguyên lí cơ bản, làm nền tảng để triển khai toàn bộ nội dung bài cáo. Tất cả những nội dung được phát triển về sau đều xoay quanh nguyên lí này.

– Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là "yên dân", "trừ bạo". Yên dân là làm cho dân được an hưởng thái bình, hạnh phúc. Muốn yên dân thì phải trừ diệt mọi thế lực bạo tàn. Đặt trong hoàn cảnh Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo* thì người dân mà tác giả nói tới là người dân Đại Việt đang bị xâm lược, còn kẻ bạo tàn chính là giặc Minh cướp nước. Như vậy, với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống xâm lược. Nhân nghĩa không những trong quan hệ giữa người với người mà còn có trong quan hệ giữa dân tộc với dân tộc. Đây là nội dung mới, là sự phát triển của tư tưởng nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi so với Nho giáo. Nhân nghĩa trong phạm trù Nho giáo chủ yếu là mối quan hệ giữa người với người, khi vào Việt Nam, do hoàn cảnh riêng của nước ta thường xuyên phải chống xâm lược, trong nội dung nhân nghĩa còn có cả mối quan hệ giữa dân tộc với dân tộc.

2. Phân tích vị trí và nội dung chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt (8 câu tiếp). Đây là phần trọng tâm.

– Khi nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống xâm lược thì bảo vệ nền độc lập của đất nước cũng là việc làm nhân nghĩa. Và chẳng có bảo vệ được đất nước thì mới bảo vệ được dân, mới thực hiện được mục đích cao cả là "yên dân". Chính vì vậy, sau khi nêu nguyên lí nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã khẳng định chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt.

– Nguyễn Trãi đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc : *nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng*. Với những yếu tố căn bản này, Nguyễn Trãi đã phát biểu một cách hoàn chỉnh quan niệm về quốc gia, dân tộc. Người đời sau vẫn xem quan niệm của Nguyễn Trãi là sự kết tinh học thuyết về quốc gia, dân tộc. So với thời Lí, học thuyết đó phát triển cao hơn bởi tính toàn diện và sâu sắc của nó. Toàn diện vì ý thức về dân tộc trong *Sông núi nước Nam* được xác định chủ yếu trên hai yếu tố : *lãnh thổ* và *chủ quyền*, còn đến *Bình Ngô đại cáo*, ba yếu tố nữa được bổ sung : *văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử*. Sâu sắc vì trong quan niệm về dân tộc, Nguyễn Trãi đã ý thức được *văn hiến, truyền thống lịch sử* là yếu tố cơ bản nhất, là hạt nhân để xác định dân tộc. Và chẳng sự sâu sắc của Nguyễn Trãi còn thể hiện ở chỗ : Điều mà kẻ xâm lược luôn tìm cách phủ định (văn hiến nước Nam) thì chính lại là thực tế, tồn tại với sức mạnh của chân lí khách quan.

Trong bài *Sông núi nước Nam*, tác giả đã thể hiện một ý thức dân tộc, niềm tự hào dân tộc sâu sắc qua từ "đế". Ở *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi tiếp tục phát huy niềm tự hào dân tộc sâu sắc, mạnh mẽ đó : "mỗi bên xưng đế một phương". Cần phân biệt sự khác nhau giữa "đế" và "vương" (mặc dù dịch sang tiếng Việt đều là "vua"). Nếu "đế" là vua thiên tử, duy nhất, toàn quyền thì "vương" là vua chư hầu, có nhiều và phụ thuộc vào "đế". Nêu cao tư tưởng hoàng đế là phủ nhận tư tưởng "trời không có hai mặt trời, đất không có hai hoàng đế", là khẳng định Đại Việt có chủ quyền ngang hàng với phương Bắc.

– Để tăng sức thuyết phục cho bản tuyên ngôn độc lập, nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi có những điểm đáng lưu ý :

+ Tác giả sử dụng những từ ngữ thể hiện tính chất *hiển nhiên, vốn có, lâu đời* của nước Đại Việt độc lập, tự chủ. Bản dịch đã cố gắng lột tả bằng các từ : "từ trước", "vốn xưng", "đã lâu", "đã chia", "cũng khác" (nguyên văn : "duy ngã", "thực vi", "kí thù", "diệc dị").

+ Sử dụng biện pháp so sánh : so sánh ta với Trung Quốc, đặt ta ngang hàng với Trung Quốc, ngang hàng về *trình độ chính trị, tổ chức chế độ, quản lí quốc gia* (Triệu, Đinh, Lí, Trần ngang hàng với Hán, Đường, Tống, Nguyễn).

3. Phân tích đoạn văn lấy dẫn chứng từ thực tiễn lịch sử để làm sáng tỏ sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc (đoạn còn lại).

- Ở bài thơ *Sông núi nước Nam*, tác giả cũng khẳng định sức mạnh của chân lí chính nghĩa, của độc lập dân tộc : Kẻ xâm lược là giặc bạo ngược (*ngịch lỗ*) làm trái lẽ phải, phạm vào sách trời (*thiên thư*), cũng có nghĩa là đi ngược lại chân lí khách quan, nhất định sẽ chuốc lấy thất bại hoàn toàn (*thủ bại hư*).

- Ở *Bình Ngô đại cáo*, nêu nguyên lí nhân nghĩa, nêu chân lí khách quan, Nguyễn Trãi đưa ra những minh chứng đầy tính thuyết phục về sức mạnh của nhân nghĩa, của chân lí, nói chung lại là sức mạnh của chính nghĩa : Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô, Ô Mã, kẻ bị giết, người bị bắt. Tác giả lấy "chứng cứ còn ghi" để chứng minh cho sức mạnh của chính nghĩa, đồng thời thể hiện niềm tự hào dân tộc.

4. Có thể khái quát trình tự lập luận trong đoạn trích *Nước Đại Việt ta* bằng sơ đồ (thay cho phần Tổng kết).

